

Bản án số: 922/2024/HC-PT

Ngày: 28/8/2024

V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán:

Bà Trần Thị Hoà Hiệp

Ông Phạm Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tú Anh, Thư ký viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Vi Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 21/2024/TLPT-HC ngày 11/01/2024, về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 185/2023/HC-ST ngày 02/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2364/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1. Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm 1945 (có mặt)

2. Bà Võ Thị L1, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 1 ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của bà L1: Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1979; Cùng địa chỉ với bà L1 (theo Văn bản uỷ quyền ngày 14/3/2023, có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Nguyễn Vũ Đ1, là Luật sư của Văn phòng L2; Địa chỉ: Lầu A P, E Đ, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Long Anng An (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Tấn V; Chức vụ: Phó Chủ tịch (có mặt).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Văn T; Chức vụ: Phó Chủ tịch (Văn bản uỷ quyền ngày 08/3/2022, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C:

1. Bà Nguyễn Ngọc Thảo S; Chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C (có mặt).

2. Ông Nguyễn Văn V1; Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Tấn L và bà Võ Thị L1 là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/10/2021 và lời trình bày của người khởi kiện Nguyễn Tấn L trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa có nội dung:

Ông Trần Văn C xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã đo đạc luôn phần đất ông L đang quản lý, sử dụng trồng thanh long để cấp cho ông C. Sau đó, ông C tặng lại cho ông A, phát hiện sự việc trên ông L đã yêu cầu hòa giải tại UBND xã H. Tại buổi hòa giải ngày 25/4/2019 ông C đồng ý trả lại diện tích đất do Nhà nước cấp sai. Sau đó, ông L đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Long An để yêu cầu hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông C. Tại bản án số 32/HCST ngày 01/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã tuyên xử có nội dung như sau: Hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C và ông A đồng thời giao UBND huyện C thực hiện nhiệm vụ công vụ theo luật định.

Trong khi UBND huyện C đang làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L theo bản án thì ngày 25/11/2019 Chủ tịch UBND xã H ban hành Quyết định số 137/QĐ-KPHQ buộc ông L phải phá bỏ 23 trụ thanh long mà ông L trồng để trả lại đất với lý do là đất công (bờ kênh).

Không đồng ý với Quyết định số 137/QĐ-KPHQ ngày 25/11/2019 của Chủ tịch UBND xã H nên ông L khiếu nại, ngày 12/02/2020 Chủ tịch UBND xã H ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 19/QĐ- UBND có nội dung giữ nguyên quyết định số 137/QĐ-KPHQ ngày 25/11/2019.

Không đồng ý với Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 12/02/2020 của Chủ tịch UBND xã H, ông L khiếu nại, ngày 23/7/2020 Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 2497/QĐ-UBND có nội dung là giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại số 19/QĐ-UBND ngày 12/02/2020.

Chủ tịch UBND xã H và Chủ tịch UBND huyện C ban hành các quyết định trên là không đúng qui định của pháp luật. Bởi các lý do sau:

Quyết định số 137/QĐ-KPHQ ngày 25/11/2019 của Chủ tịch UBND xã H áp dụng qui định đã hết hiệu lực pháp luật. Cụ thể Điều 17 Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 đã được sửa đổi bổ sung bởi điều 1 Nghị định 65/NĐ-CP và có hiệu lực ngày 09/9/2019 trong khi biên bản vi phạm hành chính lập ngày 18/11/2019 là sau khi Nghị định 65/2019/NĐ-CP có hiệu lực.

UBND xã H và Chủ tịch UBND huyện C áp dụng cơ sở pháp lý bản đồ địa chính là bản đồ cũ (số A) không áp dụng bản đồ mới hiện nay do Nhà nước quản lý và sử dụng (bản đồ số 14).

UBND xã H không chứng minh được diện tích đất nào là đất bờ kênh đoạn tiếp giáp thửa 443 và 444, tờ bản đồ số 11.

Trong quá trình giải quyết khiếu nại UBND huyện C không chứng minh được hồ sơ thiết kế thi công tuyến kênh căn cứ theo tờ bản đồ mới hiện nay do Nhà nước quản lý và sử dụng là tờ bản đồ số 11.

UBND xã H không đến thực tế để lập biên bản thực địa mà ngồi tại UBND xã để lập biên bản mô tả sau đó mới mời ông L đến UBND xã yêu cầu ký tên vào biên bản vi phạm hành chính do UBND xã ghi sẵn.

UBND huyện C thụ lý giải quyết khiếu nại của ông L cũng không đến thực địa để lập biên bản thực tế mà lấy biên bản của UBND xã H tự lập để xem xét giải quyết.

Chủ tịch UBND xã H lạm quyền trong quá trình thực hiện công vụ.

Kết quả xác minh của Chủ tịch UBND xã H cho rằng 23 gốc thanh long của gia đình ông L nằm trong phần đất công là hoàn toàn mâu thuẫn đối với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ do Tòa án nhân dân tỉnh Long An lập có xác nhận của UBND xã H.

Biên bản xử phạt vi phạm hành chính chỉ có 01 người chứng kiến ký tên là vi phạm qui định tại khoản 2 điều 58 Luật xử phạt vi phạm hành chính.

Căn cứ Điều 17 Luật khiếu nại thì thẩm quyền ban hành và thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu là của Chủ tịch UBND cấp xã. Tuy nhiên, tại nội dung quyết định của quyết định giải quyết khiếu nại số 19 có nội dung: UBND xã H không hủy bỏ quyết định 137/QĐ-KPHQ ngày 25/11/2019 của UBND xã H.

Từ những phân tích trên ông L yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An:

Hủy quyết định số 137/QĐ-KPHQ ngày 25/11/2019 của Chủ tịch UBND xã H về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả;

Hủy quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 12/02/2020 của Chủ tịch UBND xã H về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Tấn L;

Hủy quyết định số 2497/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết khiếu nại lần 2.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 10/3/2022 của ông Nguyễn Tấn L có nội dung như sau: Ông Nguyễn Tấn L bổ sung yêu cầu khởi kiện là yêu cầu hủy quyết định số 544/QĐ-CCXP ngày 20/10/2021 của Chủ tịch UBND xã H về việc cưỡng chế di dời tài sản trên đất.

Tại đơn khởi kiện ngày 29/11/2021 của bà Võ Thị L1 và lời trình bày của đại diện người khởi kiện trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa có nội dung:

Theo hồ sơ địa chính thể hiện 02 thửa đất số 443, 444 mà UBND huyện C cấp cho ông A ngày 05/5/2014 có tứ cận: Phía bắc giáp thửa 335 của bà L1 với cạnh chiều dài là 40,19 m, phía nam giáp đất ông Nguyễn Văn Đ2 với cạnh chiều dài là 37,97 m, phía nam giáp thửa 124 của bà L1 với cạnh chiều dài là 20 m và phía tây giáp đất bờ kênh với cạnh chiều dài là 20m.

Quá trình giải quyết khiếu nại lần 2 bà L1 nhiều lần đề nghị thanh tra huyện C lên thực địa để xác minh các thửa đất nhưng thanh tra không xác minh và thanh tra vẫn tiếp tục áp dụng cơ sở pháp lý là tờ bản đồ địa chính cũ số 12 đã hết hiệu lực pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng đo đạc các ban ngành chức năng huyện C và UBND xã H đến thực tế đo đạc thì không áp dụng tờ bản đồ số 11 mà tiếp tục sử dụng tờ bản đồ số 12.

Trong quá trình giải quyết khiếu nại UBND huyện C không cung cấp hồ sơ, tài liệu chứng cứ làm rõ phần diện tích đất nào là đất bờ kênh đoạn tiếp giáp các thửa 335, 443, 444 tờ bản đồ số 11.

UBND huyện C cũng không chứng minh được các quyết định thu hồi đất của người dân để thi công tuyến này.

Theo bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2000 được Sở T1 phê duyệt ngày 30/12/2012 chỉ thể hiện chiều ngang bờ kênh đất là lớn hơn 3m.

Cơ quan chức năng huyện C khi thi hành bản án số 32 xác định phân đất mà ông C trả lại cho bà L1 thuộc thửa 567 (phía sau đất ông C - giáp cạnh phía đông thửa đất 443, 444 của ông C) nằm ngoài phần đất đã rào lưới B40 của ông C là rất vô lý. Bởi vì, đây là phần diện tích đất mà gia đình bà L1 quản lý, sử dụng từ hòa bình đến nay trên 30 năm đang trồng thanh long không có tranh chấp với ai kể cả ông C.

Như vậy, Chủ tịch UBND huyện C không đưa ra được cơ sở pháp lý nào để từ chối cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L1 đối với phần đất còn lại của 02 thửa đất. Vì thế, bà L1 nhận thấy Quyết định giải quyết khiếu nại số 3983/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 trong đó xác định bờ kênh 6m là phần đất bà L1 xin cấp giấy là đất công là không có căn cứ pháp lý.

Nay bà L1 khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An hủy Quyết định số 3983/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện C Thành về việc giải quyết khiếu nại lần 2.

Tại Văn bản số 746/UBND-TH ngày 25 tháng 3 năm 2022 của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An có nội dung như sau:

Việc Chủ tịch UBND xã H ban hành Quyết định số 137/QĐ- KPHQ ngày 25/11/2019 và quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 12/02/2020; Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 2497/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 là đúng và có cơ sở với lý do sau:

Việc không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L1 là có cơ sở pháp lý vì vào năm 2005 bà L1 đã làm hồ sơ chuyển nhượng cho bà Lê Thị Hoàng Y và bà Võ Thị R, qua kiểm tra hồ sơ các lần chuyển nhượng đều thể hiện phía tây phần đất chuyển nhượng tiếp giáp bờ kênh nổi thuộc phần đất do Nhà nước quản lý (hiện nay là thửa đất số 443, 444, tờ bản đồ số 11 xã H). Và hiện nay không còn diện tích đất nào khác để cấp cho bà L1.

Việc buộc ông Nguyễn Tấn L thực hiện nghiêm việc khắc phục hậu quả di dời trụ thanh long và hàng rào lưới B40 trên bờ kênh nổi đoạn kênh tiếp giáp thửa đất 443, 444 tờ bản đồ số 11 xã H là đúng. Với những lý do sau:

Phần đất bờ kênh nổi là đất thuộc Nhà nước quản lý.

Thực hiện theo thông báo kết luận số 741/TBKL-HĐND ngày 09/11/2021 của Thường trực HĐND tỉnh, UBND huyện C đã chỉ đạo các ngành chuyên môn của huyện và UBND xã H căn cứ hồ sơ bản đồ địa chính đã thực hiện xong việc lập bản đồ qui hoạch mở đường dân sinh trên tuyến kênh nổi nhằm để tạo thuận lợi cho nhân dân lưu thông vận chuyển hàng hóa. Đã tổ chức đo đạc xác định cụ thể cắm mốc giới trên toàn tuyến kênh nổi và đã tổ chức họp công bố ra dân (43/43 hộ dân đến dự) các hộ dân đều thống nhất với chủ trương của huyện và xã.

Tại Văn bản số 1300/UBND-TH ngày 17/5/2022 của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An có nội dung như sau:

Việc Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 3983/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 về việc giải quyết khiếu nại của bà Võ Thị L1 là đúng, có cơ sở với lý do sau:

UBND huyện C nhận được đơn của bà L1 qua đường bưu điện ghi ngày 16/7/2021 có nội dung là bà L1 yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khu đất có trồng 23 trụ thanh long với diện tích là 64,2 m.

Căn cứ Bản đồ địa chính năm 1993, năm 2005 và năm 2013 được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Căn cứ vào hồ sơ địa chính, bản đồ địa chính do huyện quản lý, căn cứ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2000 do Công ty TNHH MTV T2 bản đồ Chi nhánh miền nam đo vẽ tháng 11/2011 và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T1 duyệt ngày 20/11/2012 đều thể hiện bờ kênh nổi có chiều ngang là 6m.

Qua nhiều lần chuyển nhượng về trình tự, thủ tục đều đảm bảo tính hợp lệ, hợp pháp và hồ sơ địa chính, bản đồ địa chính do Cơ quan chức năng quản lý cũng xác định rõ vị trí thửa đất cụ thể phía tây giáp với bờ kênh nổi ngang 6 m. Kênh nổi là đất công do Nhà nước quản lý, vị trí mà ông L bà L1 yêu cầu cấp giấy có trồng 23 trụ thanh long là phần đất công trình thủy lợi do Nhà nước quản lý. Do đó không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo yêu cầu của bà L1.

Ngày 05/4/2021 UBND xã H tiến hành lấy ý kiến cam kết của tất cả các hộ dân có đất dọc theo tuyến kênh nổi trong đó có hộ bà Võ Thị L1 do ông Nguyễn Tấn L ký cam kết có nội dung như sau: Không xây dựng bất cứ công trình gì trên phần đất thuộc bờ kênh nổi do Nhà nước quản lý; Khi nào Nhà nước sử dụng hoặc thi công công trình của Nhà nước thì bản thân và gia đình sẽ tự nguyện trả lại cho Nhà nước, đồng thời không yêu cầu Nhà nước bồi thường về vật kiến trúc, cây trồng và trả lại hiện trạng ban đầu cho Nhà nước.

Ngày 13/9/2021 UBND xã H ban hành thông báo số 500/TB- UBND về việc nạo vét và bê tông hóa đường bờ kênh nổi xã H và đã thông báo cho từng hộ dân dọc theo đường bờ kênh nổi.

Ngày 16/12/2021 UBND xã H kết hợp với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C tiến hành cắm mốc đối với đường bờ kênh nổi. Trong thời gian cắm mốc các hộ dân đều thống nhất theo chủ trương chung không có ý kiến gì.

Tại Văn bản số 160/UBND-VP ngày 01 tháng 4 năm 2022 của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Long An có nội dung như sau:

Việc UBND xã H ban hành 02 Quyết định trên của ông Nguyễn Tấn L là đúng, có cơ sở với lý do sau:

Việc không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L1 là có cơ sở pháp lý vì vào năm 2005 bà L1 đã làm hồ sơ chuyển nhượng cho bà Lê Thị Hoàng Y và bà Võ Thị R, qua kiểm tra hồ sơ các lần chuyển nhượng đã thể hiện phía tây phần đất chuyển nhượng tiếp giáp bờ kênh nổi thuộc phần đất do Nhà nước quản lý (hiện nay là thửa đất số 443, 444, tờ bản đồ số 11 xã H) và hiện nay không còn diện tích đất nào khác để cấp cho bà L1.

Việc buộc ông Nguyễn Tấn L thực hiện nghiêm việc khắc phục hậu quả di dời trụ thanh long và hàng rào lưới B40 trên bờ kênh nổi đoạn kênh tiếp giáp với thửa đất 443, 444 tờ bản đồ số 11 xã H là đúng. Với những lý do sau:

Ông Trần Văn A ủy quyền cho ông Trần Việt C1 gửi đơn yêu cầu di dời các trụ thanh long.

Phần đất bờ kênh nổi là đất thuộc Nhà nước quản lý.

Thực hiện theo thông báo kết luận số 741/TBKL-HĐND ngày 09/11/2021 của Thường trực HĐND tỉnh.

UBND xã phối hợp với Phòng T3, Chi nhánh Văn phòng Đ3 tại huyện C và các ngành chuyên môn của huyện căn cứ hồ sơ bản đồ địa chính đã thực hiện xong việc lập bản đồ qui hoạch mở đường dân sinh trên tuyến kênh nổi nhằm để tạo thuận lợi cho nhân dân lưu thông và vận chuyển hàng hóa. Đã tổ chức đo đạc xác định cụ thể cắm mốc giới trên toàn tuyến kênh nổi và đã tổ chức họp công bố ra dân (43/43 hộ dân đến dự) các hộ dẫn đều thống nhất với chủ trương của huyện và xã.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông L: Quyết định 137 của Ủy ban nhân dân xã H áp dụng văn bản hết hiệu lực; quyết định số 19 có nội dung Ủy ban nhân dân xã H giải quyết khiếu nại là không đúng quy định mà thẩm quyền giải quyết phải là của Chủ tịch UBND xã H nên có sự nhầm lẫn giữa thẩm quyền của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân; Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai lại có nội dung quyết định cho ông L 30 ngày để thực hiện quyền khởi kiện là không đúng quy định của luật Tố tụng hành chính thời hạn là 1 năm; Người bị kiện cho rằng ông L sử dụng đất công nhưng cụ thể diện tích bao nhiêu thì không xác định; có việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông L và ông A là 64m. Về thời hiệu khởi kiện các quyết định 137, quyết định giải quyết khiếu nại số 19 hết thời hiệu, tuy nhiên đề nghị hội đồng xét xử áp dụng án lệ số 63/2023 và quy định của Luật tố tụng hành chính để xem xét các quyết định này là quyết định hành chính có liên quan để giải quyết trong vụ án. Căn cứ Khoản 3 Điều 18 Luật Xử phạt vi phạm hành chính và nghị định hướng dẫn thi hành thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L.

Đối với yêu cầu của bà L1: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại cho bà L1 theo đúng trình tự thủ tục quy định. Quyền sử dụng đất đang tranh chấp nhưng ông A lại được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không bảo đảm.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C trình bày: Đất công được thể hiện trên bản đồ địa chính năm 1996 năm 2002 và năm 2005 và khi bà L1 chuyển nhượng đất cho bà R cũng thể hiện đường bờ kênh 6m, đất tiếp giáp kênh, bà L1 đã giao đất cho bà R nên hiện nay bà L1, ông L cho rằng đất tiếp giáp kênh của ông L, bà L1 là không đúng.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 185/2023/HC-ST ngày 02/11/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Long An quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 143, Điều 165 và Điều 193 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ điều 17 Luật Khiếu nại 2011;

Căn cứ Điều 33 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ qui định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Điều 4 Nghị định 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 qui định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật khiếu nại;

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

[1] Đình chỉ vụ án đối với các yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 137/QĐ-KPHQ ngày 25/11/2019 của Chủ tịch UBND xã H, huyện C, tỉnh Long An về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Tấn L, cư ngụ: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Long An;

- Hủy Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 12/02/2020 của Chủ tịch UBND xã H, huyện C, tỉnh Long An về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Tấn L, cư ngụ: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Long An;

- Hủy Quyết định số 2497/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của Chủ tịch UBND huyện C, tỉnh Long An về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Tấn L, cư ngụ: Số A, ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Long An.

[2] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn L đối với yêu cầu Hủy Quyết định số 544/QĐ-CCXP ngày 20/10/2021 của Chủ tịch UBND xã H, huyện C, tỉnh Long An về việc Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Tấn L, cư ngụ: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Long An.

[3] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị L1 đối với yêu cầu Hủy Quyết định số 3983/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện C, tỉnh Long An về việc giải quyết khiếu nại của bà Võ Thị L1 Lan.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/11/2023, ông Nguyễn Tấn L và bà Võ Thị L1 là người khởi kiện kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông bà, hoặc hủy bản án sơ thẩm.

Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Nguyễn Tấn L và ông Nguyễn Minh Đ là người đại diện hợp pháp của bà Võ Thị L1 không thay đổi, bổ sung, không rút đơn khởi kiện; không thay đổi, bổ sung và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu. Ông Trần Tấn V là người đại diện hợp pháp của Chủ tịch UBND xã H không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện. Các đương sự khác vắng mặt tại phiên tòa nên không thể hiện ý kiến. Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới và không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trong phần tranh luận các đương sự trình bày như sau:

1. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện:

Quyết định số 137/QĐ-KPHQ ngày 25/11/2019 áp dụng Điều 17 của Nghị định số 104/2017/NĐ-CP là không đúng, vì nghị định này đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/NĐ-CP ngày 09/9/2019.

Bản án sơ thẩm chỉ xem xét Quyết định cưỡng chế số 544/QĐ-CCXP ngày 20/10/2021 mà không xem xét các quyết định hành chính có liên quan là không đúng quy định của Luật Tổ tụng hành chính.

Nguồn gốc đất của gia đình ông L sử dụng từ trước năm 1975 và sử dụng ổn định cho đến nay, có bằng khoán chế độ cũ rõ ràng; con kênh có vào khoảng năm 1977-1978.

Không có căn cứ pháp lý nào xác định bờ kênh có chiều rộng 6m, mà chỉ có căn cứ xác định chiều rộng bờ kênh là 2,4m.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông L, bà L1, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

2. Ông Nguyễn Tấn L: Theo bản đồ cấp đổi 1/2000 năm 2012 thì lộ giới bờ kênh là 4m. Bản án sơ thẩm số 32/HCST, Biên bản thẩm định tại chỗ thì diện tích từ hàng rào B.40 ra đến bờ kênh là 64,2m², phần đất này do gia đình ông sử dụng từ trước 1975 đến nay.

3. Ông Nguyễn Minh Đ:

Theo Bản án số 32/HCST thì diện tích 64,2m² thuộc quyền sử dụng của bà L1 và ông L, các thửa số 443, 444 của ông C1 tiếp giáp với thửa 124 của ông L, như vậy thửa 124 này bị dời ra phía sau đất của ông C1.

Quyết định 3983/QĐ-UBND sai về trình tự, thủ tục vì đơn khiếu nại của bà L1 ngày 09/6/2021 không được thụ lý mà thụ lý đơn ngày 16/7/2021, vì 02 đơn này bổ sung nhiều nội dung.

4. Ông Trần Tấn V, bà Nguyễn Ngọc Thảo S và ông Nguyễn Văn V1:

Xác định đất của ông L có nguồn gốc của gia tộc bà L1, con kênh có từ thời điểm vào tập đoàn.

Thửa đất 443, 444 của bà L1 đã được cấp giấy chứng nhận vào năm 2002, có thể hiện bờ kênh nhưng không thể hiện lộ giới bảo vệ bờ kênh.

Các trụ thanh long của ông L trồng đều nằm trên bờ kênh, trụ gần nhất cách mép nước 0,5m.

Bà L1 bán đất cho bà R vào năm 2005 và bà R bán đất cho ông C1 năm 2006 cũng không ghi lộ giới kênh.

Các căn cứ pháp lý để xác định phần đất 64,2m² này thuộc bờ kênh là Bản đồ địa chính năm 1996, Bản đồ cấp đổi 1/5000 lên 1/2000 năm 2012. Các bản đồ này thể hiện bờ kênh là 6m.

Xác định các trụ thanh long ông L trồng nằm ngoài diện tích đất cấp cho bà L1, bà R, ông C1. Bản chất của sự việc là sau khi mua đất, ông C1 phát hiện

không có đường vào nên nhờ UBND xã giải quyết, trong quá trình giải quyết UBND xã phát hiện ông L trồng trụ thanh long nên tiến hành xử lý.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông L, bà L1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

1. Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên toà, thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015 trong giai đoạn xét xử phúc thẩm.

2. Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông L và bà L1 làm trong hạn luật định, đúng hình thức. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

3. Về nội dung kháng cáo: Các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện phần đất 64,2m² mà ông L trồng trụ thanh long là đất bờ kênh và ông L cũng đã có giấy cam kết tháo dỡ. Do đó, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, bà L1 là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông L, bà L1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Tấn L và bà Võ Thị L1 nộp trong hạn luật định. Ông L sinh năm 1945, bà L1 sinh năm 1961 là người cao tuổi nên được miễn nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm. Do đó, đơn kháng cáo của ông L, bà L1 đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quyết định số 137/QĐ-KPHQ của Chủ tịch UBND xã H, huyện C, tỉnh Long An được ban hành ngày 25/11/2019, có nội dung áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông L; Quyết định số 19/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND xã H, huyện C, tỉnh Long An được ban hành ngày 12/02/2020, có nội dung giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Tấn L; Quyết định số 2497/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện C, tỉnh Long An được ban hành ngày 23/7/2020, có nội dung giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Tấn L; Quyết định số 544/QĐ-CCXP của Chủ tịch UBND xã H, huyện C, tỉnh Long An được ban hành ngày 20/10/2021, có nội dung cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Tấn L và Quyết định số 3983/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện C, tỉnh Long An được ban hành ngày 18/11/2021, có nội dung giải quyết khiếu nại của bà Võ Thị L1 Lan (sau đây viết tắt là Quyết định số 137/QĐ-KPHQ, Quyết định số 19/QĐ-UBND, Quyết định số 2497/QĐ-UBND, Quyết định số 544/QĐ-CCXP và Quyết định số 3983/QĐ-UBND). Đây là các quyết định hành chính trong lĩnh vực xử lý vi phạm hành chính, giải quyết khiếu nại nên thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Long An theo quy định tại Điều 3, khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Về thời hiệu khởi kiện:

[3.1] Bản án sơ thẩm xác định các Quyết định số 544/QĐ-CCXP và Quyết định số 3983/QĐ-UBND còn thời hiệu khởi kiện là có căn cứ, phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[3.2] Mặc dù có căn cứ để xác định ông L, bà L1 đã nhận được các Quyết định số 137/QĐ-KPHQ, Quyết định số 19/QĐ-UBND và Quyết định số 2497/QĐ-UBND hơn một năm tính từ ngày nộp đơn khởi kiện. Tuy nhiên, đây là các quyết định có liên quan đến các Quyết định số 544/QĐ-CCXP và Quyết định số 3983/QĐ-UBND. Theo quy định tại Điều 6 Luật Tổ tụng hành chính và hướng dẫn tại Điều 5 Mục V giải đáp số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 thì của Tòa án nhân dân tối cao thì Tòa án phải xem xét, giải quyết các quyết định hành chính có liên quan mà không phụ thuộc vào thời hiệu khởi kiện của các quyết định có liên quan này còn hay hết. Do đó, bản án sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với các Quyết định số 137/QĐ-KPHQ, Quyết định số 19/QĐ-UBND và Quyết định số 2497/QĐ-UBND là không đúng pháp luật, không giải quyết triệt để các yêu cầu khởi kiện.

[4] Theo Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2019/HC-ST ngày 01/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An (đã có hiệu lực pháp luật) thì diện tích đất mà ông C1 được cấp vượt quá diện tích đất ông L, bà L1 đã bán là 64,2m².

[5] Trong vụ án này, những người bị kiện xác định 64,2m² mà ông L đã có hành vi trồng các trụ thanh long có vị trí nằm giáp mặt tiền bờ kênh. Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An (phục vụ cho việc xét xử của Bản án số 32/2019/HC-ST) và theo trình bày của ông L, bà L1 và sự thừa nhận của những người bị kiện trong vụ án này thì phần đất mà ông C1 rào lưới B.40 thuộc thửa 443, 444, có diện tích 715m². Theo Mảnh trích đo (bút lục số 123) thì có xuất hiện thửa số 576/64,2m² nằm giáp phía sau (không phải mặt tiền bờ kênh) thửa 443, 444 (đã rào lưới B.40 của ông C1); đồng thời tại trang 3 của Quyết định số 3983/QĐ-UBND xác định thửa 576 này thuộc quyền sử dụng của bà L1. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho những người bị kiện xác định thửa 576/64,2m² được hình thành sau khi có Bản án số 32/2019/HC-ST là không có căn cứ để chấp nhận, bởi Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/10/2019 và đặc biệt là Bản án số 32/2019/HC-ST không xác định diện tích 64,2m² này nằm phía sau thửa 443, 444 (đã rào lưới B.40) của ông C1. Như vậy, đã có sự mâu thuẫn trong việc xác định vị trí diện tích 64,2m² mà ông L có hành vi vi phạm dẫn đến việc bị xử phạt. Tòa án cấp sơ thẩm chưa điều tra làm rõ mâu thuẫn này, nhưng bác yêu cầu khởi kiện của ông L, bà L1 là chưa có căn cứ vững chắc.

[6] Từ những phân tích nêu trên, nhận thấy bản án chưa giải quyết triệt để các yêu cầu của đương sự, chưa điều tra làm rõ vị trí đất mà ông L có vi phạm mà các vi phạm, thiếu sót này không thể bổ sung, khắc phục được tại cấp phúc

thẩm. Do đó, cần thiết phải huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo quy định.

[7] Các lập luận trên đây cũng là căn cứ để Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà.

[8] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do huỷ bản án sơ thẩm nên ông L, bà L1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

[1] Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Tấn L và bà Võ Thị L1.

[2] Huỷ Bản án hành chính sơ thẩm số 185/2023/HC-ST ngày 02/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An và chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Tấn L và bà Võ Thị L1 không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Khoa